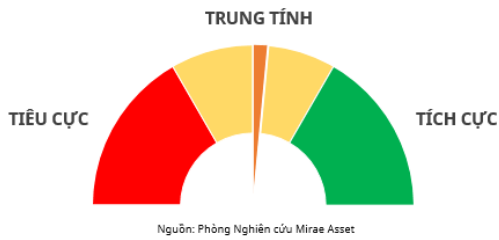


Thang đo sức mạnh thị trường



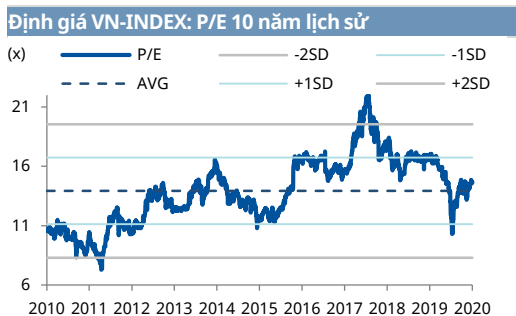
Tổng quan thị trường				
	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
VN INDEX	894.57	0.63	5.15	-9.38
HNX INDEX	127.43	0.97	9.64	24.69
VN30 INDEX	832.24	0.81	5.08	-8.04
MSCI EM	1,091.79	0.60	-0.13	6.35
NIKKEI	23,559.30	0.65	1.16	7.14
HANG SENG	24,640.28	0.56	-2.16	-9.92
KOSPI	2,427.91	1.30	0.85	18.48
FTSE	6,028.88	-0.05	-1.00	-18.17
S&P 500	3,340.97	0.05	-0.95	11.09
NASDAQ	10,853.54	-0.60	-1.50	32.74

Định giá thị trường			
	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VN-INDEX	14.70	1.97	13.32

Lãi suất tham chiếu				
	Thị giá	1D (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Cơ bản	4.50	0	0	-175
3 năm	0.69	0	-12	-198
10 năm	2.83	-3	-5	-111

Tỷ giá ngoại hối				
	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
USD/VND	23,176	-0.04	0.00	0.19
USD/KRW	1,183.6	0.28	0.08	-0.04
USD/JPY	106.02	0.13	0.55	1.98
USD/CNY	6.82	0.16	1.86	3.58

Giá hàng hóa				
	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
Dầu WTI	36.98	-0.94	-11.97	-32.58
Thép	538	0.37	15.70	-4.78
Đường	11.90	-0.17	-9.16	9.27
Cà phê	1,522	0.66	10.05	15.22
Cao su	133.40	1.44	3.17	-0.30
Nickel	15,094	1.77	5.18	-15.44
Đồng	6,739.00	1.06	5.53	16.74
Thiếc	18,102	0.57	2.33	1.84



14 Tháng Chín 2020

Bản tin cuối ngày

Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: cs@miraeasset.com.vn

Nhận định thị trường

Đóng cửa ở mức vùng giá cao trong ngày

Mở cửa tuần vẫn giữ sắc xanh ở hầu hết tất cả những mã vốn hóa lớn, điều đó giúp cho VN-Index đóng cửa vẫn ở vùng giá cao nhất trong ngày ở mốc 894.57 (+0.63% DoD).

Diễn biến của HSG thu hút nhiều sự quan tâm của nhiều nhà đầu tư khi cổ phiếu đóng cửa ở mức cao nhất trong 1 năm trở lại đây kèm theo đó là khối lượng cao nhất lịch sử từ khi niêm yết với khối lượng hơn 25,8 triệu cổ phiếu khớp lệnh. HSG đóng cửa ở vùng giá 12,700 đồng/ cổ phiếu.

VIC, VCB và HVN là những mã hỗ trợ tích cực ở chiều tăng điểm khi mà lần lượt đóng góp 1,9 điểm, 0,73 điểm và 0,42 điểm. Ở chiều ngược lại BCM, GVR và GAS là những mã đã tác động vào chiều giảm điểm với giá trị lần lượt 0,44 điểm, 0,28 điểm và 0,22 điểm.

Khối ngoại tiếp tục mua bán rông với giá trị bán rông hơn 450 tỷ trên cả 2 sàn HSX và HNX giá trị bán rông tập trung chủ yếu ở các mã HPG (158 tỷ), VHM (82 tỷ), GEX (63 tỷ) và VNM (38 tỷ). Ở chiều mua rông DPM (25 tỷ), VRE (25 tỷ) và VIC (18 tỷ) là những mã thu hút dòng tiền của khối ngoại.

Lực cầu hỗ trợ tích cực đã giúp cho VN-Index đóng cửa trên mốc 890 điểm với sự cải thiện về thanh khoản. Hệ thống đánh giá điểm số kỹ thuật trong ngắn hạn của Mirae Asset đã có cải thiện điểm số từ -2 lên 0 điểm TRUNG TÍNH.

Trương Hoàng Tiến Hưng, Analyst, 84-8-39102222, hung.tht@miraeasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	0	TRUNG TÍNH
VN30	0	TRUNG TÍNH
VN30F1M	-4	TIÊU CỰC
VN DIAMOND	-3	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	-3	TRUNG TÍNH
Shanghai Composite	-4	TIÊU CỰC
Kospi	7	KHẢ QUAN
Nikkei 225	6	KHẢ QUAN
FTSE 100 (EU)	5	KHẢ QUAN
Dow Jones	-6	TIÊU CỰC

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Bản tin thị trường

Phân tích kỹ thuật

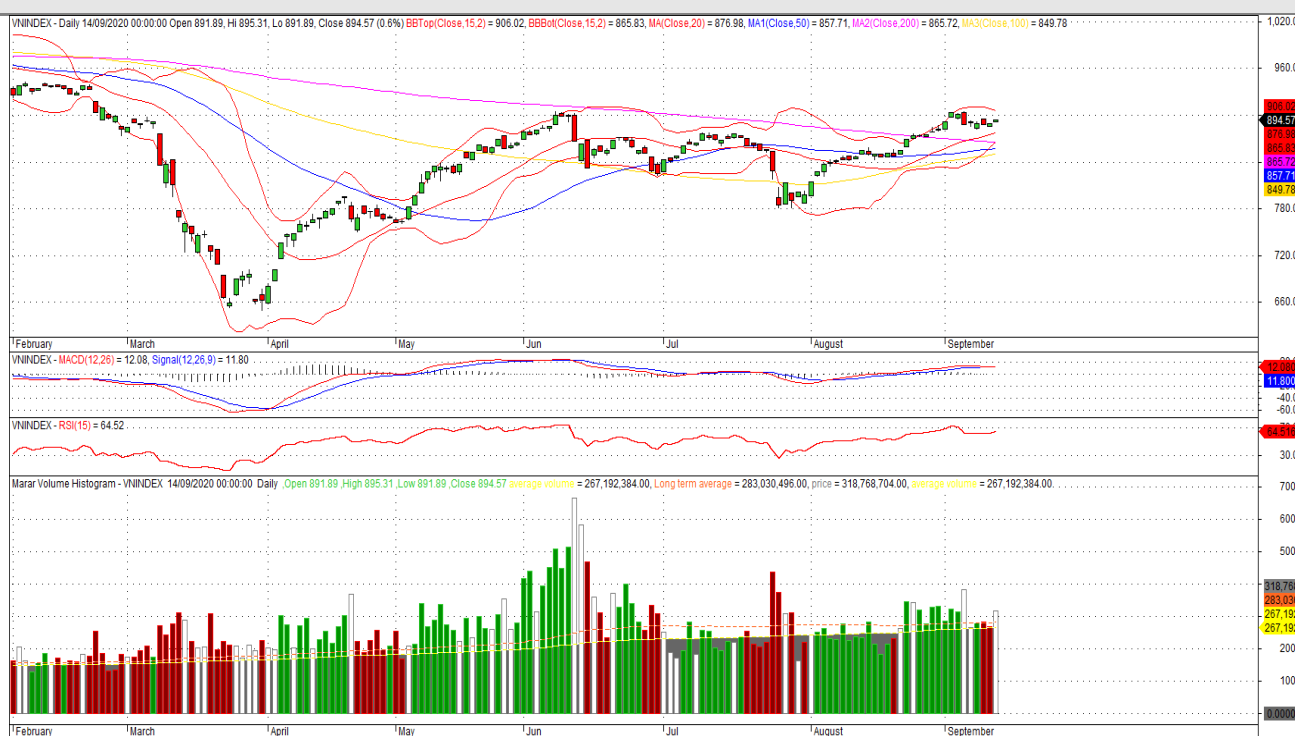
Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	0	TRUNG TÍNH
VN30	0	TRUNG TÍNH
VN30F1M	-4	TIÊU CỰC
VN DIAMOND	-3	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	-3	TRUNG TÍNH

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (01/09/2020)	Kháng cự 1	890
Xu hướng ngắn hạn (1 - 4 tuần)	Kháng cự 2	900
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Hỗ trợ 1	850
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Hỗ trợ 2	820

Thanh khoản có phần cải thiện so với 4 phiên trước đó, đã giúp cho VN-Index đóng cửa trên mốc 890 điểm. Ngưỡng kháng cự sẽ chịu nhiều áp lực chốt lời và kiểm định trong ngắn hạn.

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: Fdata

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã	Đóng cửa	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa	P/E	P/BV
Đơn vị	(ngàn VND)				(tỷ đồng)	(lần)	(lần)
AAA	#N/A	#N/A	-2	TRUNG TÍNH	71,650	9.4	1.4
ACB	21.2	6,963,675	-7	TIÊU CỰC	233,227	9.1	3.7
ACV	62.3	209,300	0	TRUNG TÍNH	180,058	19.0	6.0
AMD	2.63	1,954,513	-4	TIÊU CỰC	77,074	8.2	1.0
ASM	7.17	2,020,449	-4	TIÊU CỰC	48,146	4.8	1.0
BID	40.5	1,302,372	6	KHẢ QUAN	4,803	4.8	1.3
BMP	57.5	164,169	0	TRUNG TÍNH	37,015	4.5	0.9
BSR	6.8	1,737,355	-2	TRUNG TÍNH	18,307	7.5	0.7
BVH	48.6	977,271	5	KHẢ QUAN	60,898	21.9	2.3
CII	18	1,361,128	-4	TIÊU CỰC	285,584	15.7	3.2
CMX	17.1	551,147	-2	TRUNG TÍNH	36,248	5.8	1.2
CTD	72.7	638,817	0	TRUNG TÍNH	33,373	8.4	2.5
CTG	25.6	5,220,867	5	KHẢ QUAN	4,319	6.8	0.7
CTI	14.95	810,604	-4	TIÊU CỰC	34,257	10.5	2.3
CTR	42.6	319,895	3	TRUNG TÍNH	6,646	8.3	2.2
D2D	70.2	367,380	6	KHẢ QUAN	17,904	6.1	0.8
DBC	49.65	2,476,049	6	KHẢ QUAN	57,863	12.5	1.4
DCM	9.95	2,296,736	4	KHẢ QUAN	7,992	10.9	0.9
DGW	53	594,927	-2	TRUNG TÍNH	142,983	16.6	1.9
DHC	46.1	810,472	-2	TRUNG TÍNH	3,803	13.0	0.3
DIG	14.2	1,809,403	-4	TIÊU CỰC	11,729	11.3	2.5
DPM	17.15	4,056,442	4	KHẢ QUAN	287,507	40.6	3.6
DRC	18.5	639,394	-7	TIÊU CỰC	122,493	12.5	2.3
DRH	7.7	1,637,772	2	TRUNG TÍNH	60,887	17.5	2.7
DXG	10.15	4,744,463	-6	TIÊU CỰC	5,162	8.7	0.4
FLC	3.08	5,443,168	-4	TIÊU CỰC	63,528	6.1	1.0
FPT	49.3	1,872,917	-6	TIÊU CỰC	20,608	8.6	0.8
FRT	25.1	680,839	0	TRUNG TÍNH	8,765	14.1	1.4
GAS	71.4	616,495	4	KHẢ QUAN	51,284	13.8	3.4
GEX	25.3	7,742,685	-4	TIÊU CỰC	30,101	31.0	1.6
GTN	26.35	2,675,552	-4	TIÊU CỰC	50,946	53.6	2.7
GVR	12.6	1,824,050	4	KHẢ QUAN	4,897	10.0	1.1
HAG	4.87	7,228,387	3	TRUNG TÍNH	5,205	8.4	0.6
HAI	2.8	2,472,292	-4	TIÊU CỰC	5,966	6.8	0.6
HBC	10.2	3,947,598	0	TRUNG TÍNH	1,283	8.4	0.2
HCM	19.7	3,089,697	2	TRUNG TÍNH	4,555	5.3	0.7
HDB	30.25	1,181,635	2	TRUNG TÍNH	3,772	19.1	0.4
HDC	20.05	1,266,567	-6	TIÊU CỰC	7,950	79.4	1.1
HDG	24.25	1,992,255	0	TRUNG TÍNH	6,800	10.3	1.5
HHS	4.82	2,728,954	3	TRUNG TÍNH	2,057	6.7	0.6
HNG	12.35	2,078,401	5	KHẢ QUAN	1,690	8.2	1.3
HPG	24.6	12,451,202	3	TRUNG TÍNH	1,114	3.7	0.8
HSG	12.7	9,534,284	7	KHẢ QUAN	32,124	13.7	1.8
HUT	2.5	2,611,240	4	KHẢ QUAN	5,378	#N/A	2.1
HVN	27.25	702,197	2	TRUNG TÍNH	2,160	11.4	1.8
ITA	4.42	8,357,106	-7	TIÊU CỰC	5,226	8.1	0.6
KBC	13.55	2,074,837	-7	TIÊU CỰC	6,616	13.1	2.7
KDC	35.3	847,748	0	TRUNG TÍNH	2,334	6.2	0.6
KDH	24.4	588,733	3	TRUNG TÍNH	8,241	6.5	2.5
KLF	1.7	1,478,530	3	TRUNG TÍNH	17,673	6.3	0.5
KOS	30.8	702,377	4	KHẢ QUAN	22,747	6.4	1.2

KSB	31	1,628,015	5	KHẢ QUAN	7,620	5.4	0.6
LDG	6.7	2,935,730	2	TRUNG TÍNH	41,000	12.5	0.9
LPB	9.9	5,336,975	2	TRUNG TÍNH	6,342	7.6	1.2
MBB	18.15	4,957,792	5	KHẢ QUAN	6,050	5.1	1.2
MBG	5.6	1,515,865	7	KHẢ QUAN	112,333	15.0	3.1
MSN	55.6	1,348,052	4	KHẢ QUAN	732	3.5	0.7
MWG	93	974,616	7	KHẢ QUAN	8,831	9.9	2.1
NHH	59	174,466	-4	TIÊU CỰC	4,084	9.6	0.8
NKG	7.9	1,774,338	7	KHẢ QUAN	1,049	5.8	0.4
NLG	27.95	1,175,085	7	KHẢ QUAN	1,307	3.4	0.4
NVB	8.7	2,862,620	-2	TRUNG TÍNH	2,513	4.2	0.6
NVL	63.7	1,230,077	7	KHẢ QUAN	9,829	6.4	1.0
PC1	20.4	457,095	4	KHẢ QUAN	3,458	76.8	0.8
PDR	37.3	1,028,099	6	KHẢ QUAN	3,478	31.5	0.3
PHR	59.4	1,445,982	0	TRUNG TÍNH	3,286	4.7	0.8
PLX	49.8	1,638,029	-2	TRUNG TÍNH	1,945	#N/A	0.2
PNJ	60	671,008	4	KHẢ QUAN	1,948	4.8	0.7
POW	10	3,443,861	2	TRUNG TÍNH	1,119	2.8	1.2
PVD	11.15	5,971,619	-4	TIÊU CỰC	6,046	107.3	1.1
PVS	12.4	3,795,985	-4	TIÊU CỰC	110,942	25.7	6.4
PVT	11.6	1,864,507	2	TRUNG TÍNH	16,363	5.1	1.2
REE	39.3	420,584	-4	TIÊU CỰC	12,065	12.9	1.6
ROS	2.19	5,469,824	-2	TRUNG TÍNH	1,171	5.8	0.8
SAB	188.2	112,931	-1	TRUNG TÍNH	2,586	14.3	2.9
SBT	14.05	3,141,670	5	KHẢ QUAN	4,140	18.8	0.7
SHB	14.5	3,556,265	5	KHẢ QUAN	968	5.5	1.0
SHS	11.5	2,489,870	5	KHẢ QUAN	2,699	3.0	1.0
SSI	15.75	5,242,982	2	TRUNG TÍNH	12,915	#N/A	1.4
STB	11.3	7,897,149	3	TRUNG TÍNH	377	6.2	0.5
SZC	27.2	1,592,555	4	KHẢ QUAN	1,782	7.3	1.1
TCB	21.5	2,415,002	-2	TRUNG TÍNH	510	7.0	0.2
TCH	20.8	4,516,578	7	KHẢ QUAN	693	7.1	0.6
TCM	22.9	1,186,036	7	KHẢ QUAN	3,772	9.8	1.0
TNG	12.8	869,430	5	KHẢ QUAN	1,630	8.0	1.6
TVB	7.97	323,659	7	KHẢ QUAN	2,645	7.3	0.8
VCB	83	1,265,616	4	KHẢ QUAN	3,164	157.7	2.8
VCI	28	1,024,510	2	TRUNG TÍNH	1,533	26.8	3.1
VCS	68.6	247,915	7	KHẢ QUAN	1,212	2.2	0.3
VEA	44	110,035	7	KHẢ QUAN	2,335	6.6	0.7
VHC	41.85	664,937	6	KHẢ QUAN	407	15.2	0.2
VHM	77.5	1,972,080	7	KHẢ QUAN	1,008	4.3	0.3
VIB	22.7	1,303,260	-2	TRUNG TÍNH	53,152	7.3	2.0
VIC	93.1	641,086	2	TRUNG TÍNH	409	6.7	0.7
VJC	107.4	456,625	2	TRUNG TÍNH	2,229	7.0	1.9
VND	12.65	589,478	-4	TIÊU CỰC	181	4.1	0.4
VNM	124.2	1,366,797	3	TRUNG TÍNH	3,847	8.2	1.5
VPB	23.2	4,329,459	4	KHẢ QUAN	437	38.3	0.2
VPI	40.5	612,371	-4	TIÊU CỰC	265	48.5	0.2
VRE	28.6	2,838,856	7	KHẢ QUAN	357	13.4	1.1

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Phục hồi kinh tế: Con đường có bằng phẳng?

1. TÓM TẮT THỊ TRƯỜNG TUẦN QUA

- Thị trường điều chỉnh sau 4 tuần tăng liên tiếp.
- Điểm kỹ thuật ở mức TRUNG TÍNH (-2), đây là điểm nằm sát mức tiêu cực nên đà tăng thị trường có thể gặp khó?
- Xu hướng dòng tiền: giảm (-8,5%), tập trung vào dịch vụ tài chính (SSI, HCM, VCI, TPB)
- Nhà đầu tư nước ngoài có xu hướng rút ròng nếu loại trừ deal VHM.

2. PHỤC HỒI KINH TẾ: CON ĐƯỜNG CÓ BẰNG PHẪNG?

- Tại Mỹ: Phục hồi kinh tế nhiều gặp ghềnh (theo dạng căn bậc hai ngược)
- Tại Việt Nam: còn chậm

3. CƠ HỘI NÀO CHO NHÀ ĐẦU TƯ?

- Lãi suất thực âm cho kỳ hạn ngắn?
- Danh mục đề xuất 1: Cổ phiếu ít ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 và có mức thu nhập cổ tức cao
- Danh mục đề xuất 2: Cổ phiếu có chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 nhưng có mức thu nhập cổ tức cao.

Link báo cáo đầy đủ:

<https://masvn.com/pdfViewer.do?screen=research&ids=96A12169-CC85-4BEA-9343-05148A55530D>

Thông tin cập nhật

WHO báo cáo ngày tăng ca nCoV cao kỷ lục

Theo số liệu trên trang web của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), các ca nhiễm mới tăng chủ yếu ở Mỹ, Ấn Độ và Brazil, ba vùng dịch lớn nhất thế giới. Ấn Độ ghi nhận thêm 94.372 ca nhiễm, trong khi con số này ở Mỹ và Brazil lần lượt là 45.523 và 43.718 ca. Trong 24 giờ qua, cả Mỹ và Ấn Độ đều báo cáo hơn 1.000 ca tử vong do nCoV, trong khi con số này ở Brazil là 874 người. Theo số liệu của WHO, toàn cầu hiện ghi nhận 28.637.952 ca nhiễm, trong đó 917.417 người chết. WHO từng báo cáo ngày tăng ca nhiễm mới nCoV cao kỷ lục hôm 6/9 với 306.857 trường hợp. Cơ quan này cũng ghi nhận ngày tăng ca tử vong do nCoV cao chưa từng có hôm 17/4, với 12.430 người chết.

Nhân dân tệ có thể trở thành đồng tiền lớn thứ 3 thế giới

Mặc dù tỷ trọng của đồng nhân dân tệ trong dự trữ ngoại hối thế giới chưa bao giờ vượt quá 2% song ngân hàng Morgan Stanley dự báo tỷ trọng này sẽ tăng lên 5% trong viễn cảnh xấu nhất và 10% trong viễn cảnh tốt nhất. Theo đài Sputnik, các nhà phân tích chỉ ra xu hướng tăng dần trong nhu cầu các nhà đầu tư toàn cầu đối với chứng khoán Trung Quốc. Trong tháng 7, dòng vốn nước ngoài ròng đổ vào trái phiếu Trung Quốc đạt 21,3 tỷ USD, cao nhất kể từ năm 2014. Tổng giá trị trái phiếu từ nhà đầu tư nước ngoài đạt 360 tỷ USD, tăng 13,7% so với năm ngoái. Theo một báo cáo của Morgan Stanley, xu hướng trên sẽ đẩy mạnh đáng kể vai trò của đồng nhân dân tệ trên thị trường quốc tế trong tương lai. Morgan Stanley tuyên bố rằng trong thập kỷ này, các khoản đầu tư gián tiếp nước ngoài sẽ trở thành dòng vốn chính của Trung Quốc, trong khi đầu tư trực tiếp sẽ giảm dần. Giới phân tích cũng cho hay năm nay, tổng khối lượng đầu tư gián tiếp vào Trung Quốc sẽ lên tới 150 tỷ USD và sẽ tăng lên 200-300 tỷ USD trong 10 năm tới năm 2030. Với việc Bắc Kinh cũng như các nhà đầu tư quan tâm đến thu hút vốn và mở rộng thị trường tài chính, một phần các tài sản toàn cầu sẽ được tính bằng đồng nhân dân tệ trong tương lai.

Tín dụng TP HCM tăng 3,7% sau 8 tháng

Theo báo cáo tình hình kinh tế xã hội 8 tháng do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP HCM thực hiện, trong lĩnh vực ngân hàng, tổng huy động vốn của các tổ chức tín dụng trên địa bàn tăng 4,55% so với cuối năm ngoái, ở mức 2,66 triệu tỷ đồng. Tiền gửi chiếm gần 87% tổng nguồn vốn. Tổng dư nợ tín dụng tăng 3,68% sau 8 tháng, ở mức 2,38 triệu tỷ đồng. Dư nợ tín dụng trung, dài hạn chiếm 52% cơ cấu, tăng 4,31% so với cuối năm 2019. Dư nợ cho vay ngắn hạn bằng VND với 5 nhóm ngành, lĩnh vực ưu tiên đạt 176.266 tỷ đồng, trong đó vay hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chiếm 74%. Cho vay hỗ trợ nhà ở với dư nợ khoảng 3.092 tỷ đồng, với 8.509 khách hàng còn dư nợ. Các ngân hàng thương mại đăng ký và tổ chức thực hiện gói tín dụng năm 2020 là 274.450 tỷ đồng, đã giải ngân khoảng 208.291 tỷ đồng cho 8.104 khách hàng.

Gạo, cà phê, giày dép... bắt đầu hưởng ưu đãi từ EVFTA

Số liệu cập nhật cho thấy, trong tháng 8/2020, các tổ chức được ủy quyền đã cấp trên 7.200 bộ giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) mẫu EUR.1 với kim ngạch 277 triệu USD đi 28 nước EU. Các mặt hàng đã được cấp C/O mẫu EUR.1 chủ yếu là giày dép, thủy sản, nhựa và các sản phẩm nhựa, cà phê, hàng dệt may, túi xách, va li, rau quả, sản phẩm mây, tre, đan... Thị trường nhập khẩu đa phần là các nước có cảng biển và trung tâm phân phối, trung chuyển của EU như Bỉ, Đức, Hà Lan, Pháp, Anh, trong đó nhiều lô hàng đã tới thị trường EU, thông quan và được hưởng ưu đãi. Lãnh đạo Cục Xuất nhập khẩu xác nhận, thực tế số liệu cấp C/O mẫu EUR.1 kể từ khi EVFTA có hiệu lực cho thấy mức độ quan tâm của doanh nghiệp cũng như tầm quan trọng của thị trường này đối với xuất

khẩu của Việt Nam. 8 tháng đầu năm, do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, xuất khẩu của Việt Nam sang EU ghi nhận ở mức 22,9 tỷ USD, giảm 4% so với cùng kỳ năm 2019, nhưng xuất khẩu nhiều mặt hàng thủy sản đã có tín hiệu tốt hơn.

Vinpearl huy động 865 tỷ đồng trái phiếu riêng lẻ

Công ty cổ phần Vinpearl thông báo đã phát hành 10 lô trái phiếu riêng lẻ với tổng giá trị 865 tỷ đồng. Các lô trái phiếu được phát hành vào ngày 28/8, kỳ hạn 3 năm. Đây là trái phiếu bằng không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, được bảo đảm bằng tài sản, có bảo lãnh của bên thứ ba. Lãi suất trái phiếu được kết hợp giữa lãi suất cố định và thả nổi. Vinpearl là công ty con của Tập đoàn Vingroup (VIC), hoạt động trong lĩnh vực khách sạn du lịch nghỉ dưỡng tại Việt Nam. Nửa đầu năm, trong bối cảnh dịch Covid-19 bùng phát ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, Vinpearl ghi nhận lỗ sau thuế 5.097 tỷ đồng, gấp 3 lần mức lỗ cùng kỳ năm trước và cao hơn mức lỗ năm 2019 (4.036 tỷ đồng). Vốn chủ sở hữu giảm từ 13.228 tỷ đồng cùng kỳ năm trước xuống 2.068 tỷ đồng. Theo công bố trên Công thông tin đăng ký doanh nghiệp, Vinpearl vừa giảm vốn điều lệ từ 6.512 tỷ đồng xuống 5.889 tỷ đồng vào tháng 3/2020

DBC: chuyển 634 tỷ đồng lợi nhuận từ các công ty con về để tạm ứng cổ tức 2020

Tập đoàn Dabaco Việt Nam (Dabaco, HoSE: DBC) thông báo quyết định HĐQT phê duyệt phương án điều chuyển 634 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế của các công ty con về công ty mẹ tại ngày 31/7 để thực hiện việc tạm ứng cổ tức năm 2020. Vào ngày 1/9, tập đoàn đã họp đánh giá tình hình sản xuất tháng 7-8 và quyết định tạm ứng cổ tức năm 2020 bằng tiền mặt tỷ lệ 15%, đương đương với tổng thanh toán 157 tỷ đồng. Ngày đăng ký cuối cùng 17/9 và ngày thanh toán 30/9. Tuy nhiên, tính đến cuối quý II, phần lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên BCTC công ty mẹ chỉ gần 9 tỷ đồng. Sau quyết định điều chuyển, phần lợi nhuận này tại ngày 31/7 của công ty mẹ tăng lên 665,4 tỷ đồng, gấp 3,3 lần con số đầu năm.

TIP chào bán cổ phiếu cho cổ đông tăng vốn 54%

Công ty Phát triển Khu Công nghiệp Tín Nghĩa (HoSE: TIP) vừa công bố tài liệu họp ĐHĐCĐ bất thường năm 2020 về việc huy động vốn từ cổ đông hiện hữu và điều chỉnh Dự án Khu du lịch, thương mại, logistics tại xã lộ 25, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Cụ thể, HĐQT sẽ trình ĐHĐCĐ việc biểu quyết chủ trương điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư dự án trên từ 744 tỷ đồng lên gần 2.078 tỷ đồng (tức tăng thêm 1.334 tỷ). Đồng thời HĐQT cũng muốn bổ sung thêm mục tiêu “đầu tư Khu công nghiệp” vào mục tiêu chung của dự án. Nhằm tài trợ một phần vốn cho việc tăng đầu tư dự án này, TIP trình cổ đông phương án phát hành cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 54% (cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu được hưởng quyền mua 54 cổ phiếu mới).

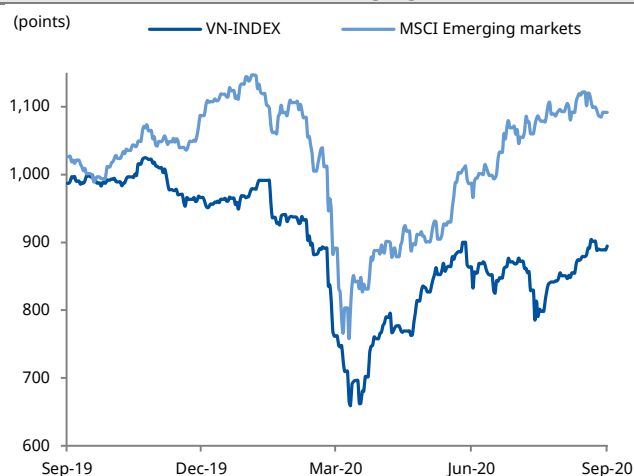
SLS: dự kiến chia cổ tức tỷ lệ 70%

CTCP Mía đường Sơn La (HNX: SLS) công bố tài liệu họp ĐHĐCĐ niên vụ 2020-2021 (niên độ 1/7 đến 30/6). Theo đó, HĐQT trình cổ đông kế hoạch tổng doanh thu 816,4 tỷ đồng, giảm 22% so với mức thực hiện ở niên độ 2019-2020; chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế 26 tỷ đồng, giảm 78%. Mía đường Sơn La thường đặt kế hoạch lợi nhuận thấp hơn năng lực thực hiện. Công ty trình việc chia cổ tức 2019-2020 với tỷ lệ 70%. Kế hoạch cổ tức 2020-2021 là 20%. Theo báo cáo HĐQT, ngành mía đường năm nay vẫn tiếp tục đương đầu với khó khăn từ nhiều phía. Ngành đường vẫn trông chờ vào các giải pháp tháo gỡ khó khăn từ các Bộ, đặc biệt là Bộ Công Thương trong việc áp dụng biện pháp phòng vệ để bảo vệ ngành sản xuất mía đường trong nước, biện pháp chống phá giá đối với đường lỏng siro ngô và các chất tạo ngọt khác...

POW: ước doanh thu 8 tháng đạt 20.116 tỷ đồng, giảm đáng kể do nhu cầu phụ tải giảm trước dịch Covid-19

Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP (PV Power, POW) vừa ước tính kinh doanh tháng 8 với sản lượng điện sản xuất 1,2 tỷ kWh. Tổng doanh thu tương ứng ước đạt 1.852 tỷ đồng. Trong đó, Nhà máy điện Cà Mau 1&2 đóng góp lớn nhất trong tổng doanh thu tháng 8 của PV Power với gần 650 tỷ đồng, thực hiện 66% kế hoạch tháng. Theo PV Power, do dịch bệnh Covid-19 bùng phát trở lại và có diễn biến phức tạp, nhiều tỉnh thành thực hiện giãn cách xã hội dẫn đến nhu cầu phụ tải trên hệ thống giảm thấp. Đồng thời, đang trong giai đoạn mùa mưa nên EVN/A0 ưu tiên huy động thủy điện, dẫn đến sản lượng huy động bị ảnh hưởng.

Biểu đồ 2. VN Index và MSCI Emerging Markets



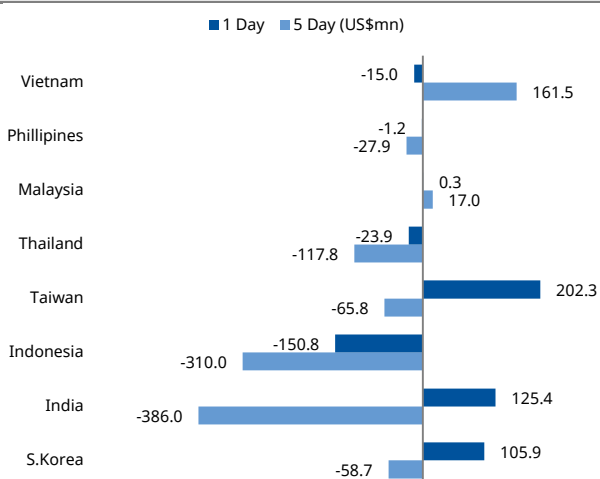
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 3. VN-Index và USD/VND



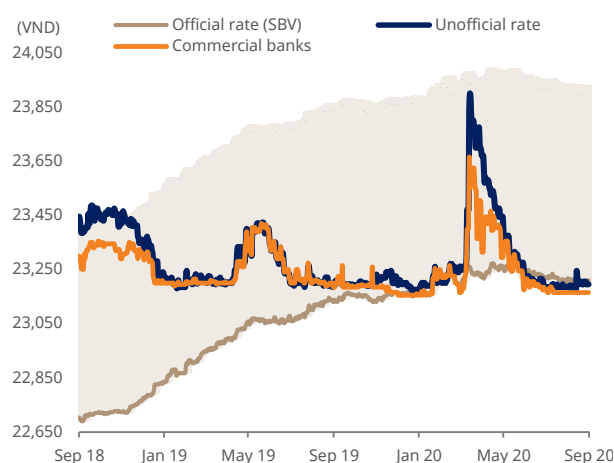
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 4. Hoạt động nhà đầu tư nước ngoài



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 5. Tỷ giá USD/VND



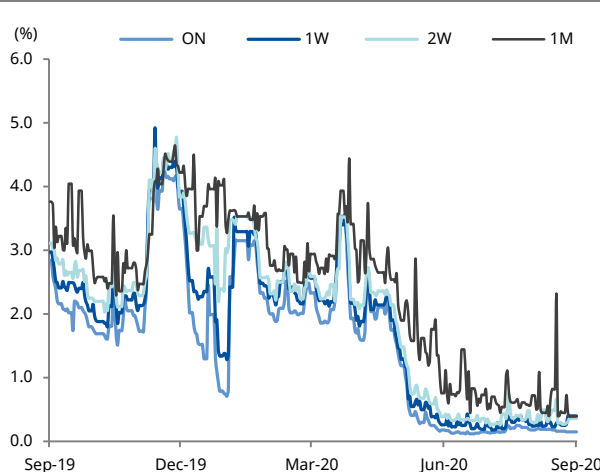
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Giá (VND)	Vốn hóa (tỷ đồng)	Sở hữu khối ngoại (%)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
					1D	1W	1M	1Y	FY20	FY21	FY20	FY21	FY20	FY21	FY20	FY21
VN30 Index	VN30 Index	832.24	2,399,876		0.8	1.0	5.1	-8.0	13.0	10.5	1.8	1.6	-11.0		15.6	16.0
NHTMCP Đầu tư & Phát triển	BID VN	40,500	162,892	17.6	0.1	-0.2	3.8	1.6	34.6	20.0	2.2	2.0	-45.9		9.1	12.3
NHTMCP Công thương Việt Nam	CTG VN	25,600	95,319	30.0	0.0	2.4	8.9	22.8	13.8	11.2	1.2	1.1	-9.2		10.2	11.4
NHTMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam	EIB VN	17,100	21,023	29.9	2.4	1.2	0.6	1.8	36.8	35.3	1.3	1.2	-33.9		3.6	3.6
CTCP FPT	FPT VN	49,300	38,647	49.0	0.3	1.6	3.1	-0.2	11.4	9.7	2.4	2.1	18.2		23.9	25.0
TCT Khí Việt Nam	GAS VN	71,400	136,656	3.3	-0.6	-0.8	-1.2	-29.3	18.3	14.3	2.8	2.6	-36.4		15.5	19.2
NHTMCP Phát triển TP.Hồ Chí Minh	HDB VN	30,250	29,219	20.7	-0.3	3.6	10.4	16.3	7.3	6.4	1.3	1.1	13.5		20.2	20.1
Tập đoàn Hoà Phát	HPG VN	24,600	81,507	35.1	0.6	0.4	2.1	30.6	8.6	7.3	1.5	1.3	25.2		18.1	19.4
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền	KDH VN	24,400	13,635	42.8	1.2	0.2	4.4	7.0	12.5	10.4	1.6	1.4	21.0		14.1	15.8
NHTMCP Quân đội	MBB VN	18,150	43,767	23.0	1.7	2.5	5.8	-15.9	6.0	5.1	0.9	0.8	-15.8		18.0	17.6
Tập đoàn Masan	MSN VN	55,600	65,312	38.1	1.1	1.8	4.1	-27.3	74.0	28.8	1.5	1.6	-84.2		2.2	6.0
CTCP Thế giới di động	MWG VN	93,000	42,099	49.0	-0.4	3.0	11.9	-24.0	11.9	9.3	2.8	2.2	-9.9		26.5	27.4
Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	NVL VN	63,700	61,842	5.6	1.3	1.4	1.0	3.1	16.9	17.6	2.4	NA	5.2		14.3	11.9
Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam	PLX VN	49,800	60,049	15.6	0.2	-2.5	6.9	-19.4	48.4	17.8	2.5	2.1	-67.5		5.8	15.1
CTCP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận	PNJ VN	60,000	13,507	49.0	0.8	1.9	6.2	-26.8	15.4	12.9	2.7	2.5	-21.8		21.3	23.2
TCT Điện lực Dầu khí Việt Nam	POW VN	10,000	23,419	11.1	0.0	-0.5	0.1	-20.9	9.8	8.3	0.8	0.7	-0.2		8.5	9.3
CTCP Cơ điện lạnh	REE VN	39,300	12,185	49.0	1.6	7.4	11.3	5.9	8.0	7.1	1.1	1.0	-7.2		13.4	14.0
CTCP Xây dựng FLC Faros	ROS VN	2,190	1,243	2.1	0.5	-0.5	-3.5	-91.8	NA	NA	NA	NA	NA		NA	NA
CTCP Bia Rượu Nước giải khát SG	SAB VN	188,200	120,689	63.2	0.1	-2.1	1.7	-28.7	29.8	25.7	6.0	5.4	-15.4		20.9	23.2
CTCP Mía đường TTC Tây Ninh	SBT VN	14,050	8,244	5.6	-0.4	0.7	1.1	-19.7	11.8	NA	NA	NA	120.3		8.3	NA
CTCP Chứng Khoán Sài Gòn	SSI VN	15,750	9,465	48.3	0.0	2.6	7.9	-14.4	10.9	8.8	0.9	0.8	0.9		9.0	10.6
NHTMCP Sài Gòn Thương Tín	STB VN	11,300	20,381	9.3	1.3	0.9	5.6	9.2	12.5	7.9	0.7	0.7	-19.5		6.8	9.0
NHTMCP Kỹ Thương Việt Nam	TCB VN	21,500	75,253	22.5	0.9	1.4	8.6	-5.1	7.4	6.3	1.0	0.9	1.0		15.6	15.5
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	TCH VN	20,800	7,348	4.6	-1.2	-0.5	2.0	-9.0	NA	NA	NA	NA	NA		NA	NA
NHTMCP Ngoại Thương VN	VCB VN	83,000	307,837	23.5	0.9	-0.7	1.2	1.3	18.3	15.3	3.1	2.6	1.2		19.9	19.6
Công ty Cổ phần Vinhomes	VHM VN	77,500	254,937	22.5	-0.3	-2.0	-2.8	-11.9	9.5	8.3	3.0	2.3	25.8		38.3	30.6
Tập đoàn Vingroup	VIC VN	93,100	314,904	13.8	2.2	1.7	6.5	-23.9	50.8	37.3	3.6	3.3	-24.7		6.6	8.7
CTCP Hàng Không Vietjet	VJC VN	107,400	56,260	17.7	1.5	0.4	6.8	-22.3	-1136.5	16.3	3.5	3.2	-101.3		8.9	21.4
CTCP Sữa Việt Nam	VNM VN	124,200	216,279	58.5	0.3	-1.4	6.4	1.7	20.8	19.3	7.2	6.4	8.9		37.8	38.2
NHTMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VPB VN	23,200	56,556	23.4	1.5	3.1	8.4	12.1	7.3	6.3	1.1	1.0	-5.6		16.7	16.2
CTCP Vincom Retail	VRE VN	28,600	64,988	30.6	0.7	3.2	6.5	-15.8	25.6	18.9	2.3	2.1	-8.9		9.1	11.7

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research

*Note: Valuation metrics based on Bloomberg consensus estimates

Bảng 2: Biến động ngành

Nhóm ngành (Chuẩn GICS)	Điểm tác động (VN-Index 1D)	Vốn hóa (tỷ đồng)	Biến động giá (%)				P/E(X)*		P/B(X)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE(%)*	
			1D	1W	1M	1Y	FY20	FY21	FY20	FY21	FY20	FY21	FY20	FY21
VN-Index	5.60	3,210,250	0.6	0.7	5.2	-9.4	16.1	12.4	2.0	1.81	-8.9		14.7	15.6
Ô tô và phụ tùng	0.00	6,057	0.3	0.8	10.1	-6.6	6.3	4.3	0.8	0.7	NA		8.0	10.3
Ngân hàng	1.59	831,070	0.7	0.9	4.6	3.9	18.2	13.5	2.1	1.8	28.8		15.3	15.9
Xây dựng cơ bản	0.30	107,093	1.0	2.2	9.2	7.3	7.5	5.2	0.4	0.4	-15.7		6.3	6.5
Dịch vụ thương mại	0.01	4,000	0.9	2.0	2.8	-26.1	11.6	5.9	NA	NA	-1.6		6.7	12.6
May mặc và trang sức	0.03	22,861	0.6	0.7	8.8	-17.3	10.4	8.5	1.7	1.6	9.5		14.2	15.6
Dịch vụ tiêu dùng	0.02	7,455	1.1	1.5	1.5	-12.4	232.3	4.8	1.4	1.1	-27.6		0.0	7.3
Dịch vụ tài chính	0.02	34,099	0.2	1.0	14.4	8.0	7.7	5.5	0.7	0.6	NA		6.5	8.6
Năng lượng	0.08	70,765	0.4	-1.5	7.3	-20.4	44.6	16.9	2.2	1.9	7.8		5.4	13.4
Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	0.51	496,556	0.4	0.1	5.5	-7.1	56.6	47.0	6.9	6.3	-5.8		22.6	23.6
Dịch vụ và thiết bị y tế	0.00	894	-1.4	-1.5	22.1	38.9	NA	NA	NA	NA	-47.7		NA	NA
Hàng cá nhân và gia dụng	0.02	7,928	0.8	0.1	20.7	7.8	5.9	5.9	1.2	1.1	-42.2		16.3	14.3
Bảo hiểm	0.21	42,384	1.8	-1.2	6.5	-30.0	25.1	21.3	1.6	1.6	5.1		5.8	7.0
Nguyên vật liệu	0.56	159,918	1.3	1.3	6.2	39.3	10.2	5.7	1.0	0.9	96.9		13.7	14.0
Giải trí và truyền thông	0.01	1,472	1.8	-0.2	-0.2	-13.8	21.0	15.3	1.3	1.3	NA		6.7	8.5
Dược phẩm	-0.11	31,607	-1.2	-0.1	5.6	10.8	8.1	6.9	NA	NA	24.6		3.3	3.8
Bất động sản	2.28	795,510	1.0	1.3	3.8	-13.0	13.9	9.3	2.2	1.5	53.1		13.5	9.3
Bán lẻ	-0.05	49,066	-0.3	-0.2	11.1	-18.5	26.9	20.6	2.8	2.2	22.2		17.4	15.8
Phần mềm và dịch vụ	0.01	4,012	0.7	2.5	20.2	-4.6	11.0	8.6	2.4	2.0	-2.0		23.4	24.3
Thiết bị và phần cứng	0.04	40,926	0.3	0.3	4.3	6.7	NA	NA	NA	NA	20.4		NA	NA
Dịch vụ viễn thông	-0.01	385	-5.5	-5.5	-9.2	-13.3	11.3	9.7	2.4	2.1	-90.7		23.7	24.7
Vận tải	0.73	140,540	1.9	1.9	8.4	-13.6	NA	NA	NA	NA	-6.6		NA	NA
Tiện ích	0.02	210,375	0.1	0.5	0.5	-22.0	2.0	15.2	2.6	2.4	6.5		-7.6	15.1

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research

*Note: Valuation metrics based on Bloomberg consensus estimate

Bảng 3: Các cổ phiếu tác động VN-Index

Top 10 tác động VN-Index: Chiều tăng điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
VIC VN	93,100	2.20	608,930	1.90
VCB VN	83,000	0.85	594,680	0.73
HVN VN	27,250	4.01	1,593,440	0.42
VPB VN	23,200	1.53	3,269,680	0.24
VJC VN	107,400	1.51	551,420	0.24
NVL VN	63,700	1.27	995,810	0.22
MBB VN	18,150	1.68	4,580,680	0.20
BVH VN	48,600	1.99	546,410	0.20
MSN VN	55,600	1.09	944,590	0.20
TCB VN	21,500	0.94	1,578,270	0.20

Nguồn: Bloomberg

Top 10 tác động VN-Index: Chiều giảm điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
BCM VN	41,800	-3.46	221,520	-0.44
GVR VN	12,600	-1.95	2,150,970	-0.28
GAS VN	71,400	-0.56	557,430	-0.22
VHM VN	77,500	-0.26	1,824,670	-0.18
DHG VN	102,100	-2.30	1,650	-0.09
TAC VN	50,400	-11.58	86,120	-0.06
MWG VN	93,000	-0.43	546,560	-0.05
KBC VN	13,550	-1.81	2,919,290	-0.03
HDB VN	30,250	-0.33	1,657,830	-0.03
SVC VN	68,100	-3.81	380	-0.03

Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) LLC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.